

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN SÔNG MÃ  
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST

Ngày 02 - 7 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nhung.

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Quàng Văn Tiệp.  
2. Ông Lò Văn Viễn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

**- D diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:**  
Ông Sộng Nỗ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 118/2024/TLST – HNGĐ, ngày 24/5/2024 về việc: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 17/6/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Bản N, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Bản N, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03/5/2024 và các tài liệu thể hiện lời khai nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện S, tỉnh Sơn La vào ngày 29/02/2012. Quá trình chung sống sau khi kết hôn có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ nhưng đều không giải quyết được, càng lâu càng thấy có nhiều điểm bất đồng và nảy sinh thêm nhiều mâu thuẫn không thể điều hoà được. Đến năm 2019 thì đã sống ly thân đến nay, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và cũng không còn nữa, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nên chị T có đơn xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh B có hai người con chung là Nguyễn Hoàng C - sinh ngày 07/10/2012 và Nguyễn Hoàng D - sinh ngày 26/11/2014. Về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn chị đề nghị tôn trọng nguyện vọng của con chung và nếu cả hai con chung có nguyện vọng được chung sống với chị thì chị nhận nuôi cả hai con chung, chị và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về tài sản chung, về nợ chung: chị T khai giữa chị và anh B không có nợ chung, tài sản chung nên chị không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày tại bản tự khai ngày 14/7/2024 như sau: Anh nhất trí về việc kết hôn, quá trình chung sống và nảy sinh mâu thuẫn là đúng như chị T đã trình bày tại đơn khởi kiện. Anh nhất trí với việc xin ly hôn của chị T. Anh và chị T có hai con chung là Nguyễn Hoàng C - sinh ngày 07/10/2012 và Nguyễn Hoàng D - sinh ngày 26/11/2014, khi Toà lấy ý kiến thì cháu C có ý kiến xin được chung sống trực tiếp cùng mẹ là chị T và cháu D có nguyện vọng được sống cùng anh, anh tôn trọng nguyện vọng của các con chung và nhất trí như nguyện vọng của các cháu; anh và chị T không cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Về tài sản chung, về nợ chung: anh B nhất trí với ý kiến của chị T và xác định giữa anh và chị T không có nợ chung, tài sản chung nên không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa D diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình kiểm sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Chị T và anh B đã có ý kiến về việc giải quyết quan hệ hôn nhân và con chung. Cả chị T và anh B đều đã có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải và xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự không tiến hành hoà giải giữa các đương sự và xét xử vắng mặt đối với anh B, chị T là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B. Giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Nguyễn Hoàng C - sinh ngày 07/10/2012 đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, giao cho anh B được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là Nguyễn Hoàng D - sinh ngày 26/11/2014 đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T và anh B không phải cấp dưỡng

nuôi con chung cùng nhau. Chị T và anh B đều khai không có nợ chung, tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của D diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị T đối với anh Nguyễn Văn B cư trú tại huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La được Tòa án nhân dân huyện Sông Mã thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Sau khi chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án đã thụ lý và tiến hành thông báo các văn bản tố tụng cho các đương sự; các đương sự đã có ý kiến về việc giải quyết yêu cầu khởi kiện và đề nghị không tiến hành hoà giải, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện S, tỉnh Sơn La vào ngày 9/02/2012. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 xác định việc kết hôn là đúng theo các quy định của pháp luật, xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị T và anh B đã kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc và bất đồng quan điểm sống, chị T và anh B đã sống ly thân với nhau được một thời gian dài và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Cả chị T và anh B đều có nguyện vọng và nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng và cuộc sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị T ly hôn anh B là có căn cứ, phù hợp với Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh B có hai con chung là Nguyễn Hoàng C - sinh ngày 07/10/2012 và Nguyễn Hoàng D - sinh ngày 26/11/2014. Cháu C có nguyện vọng được trực tiếp chung sống với mẹ là chị T và cháu D có nguyện vọng được trực tiếp chung sống cùng bố là anh B. Cả chị T và anh B đều nhất trí và tôn trọng nguyện vọng của các con chung. Do vậy, cần giao con chung là Nguyễn Hoàng C - sinh ngày 07/10/2012 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, giao con chung là Nguyễn Hoàng D - sinh ngày 26/11/2014 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng và giáo dục. Chị T và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được ngăn cản theo đúng quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh B đều khai nhận không có nợ chung, tài sản chung không kê khai nên không yêu cầu Tòa giải quyết, do vậy Tòa án không giải quyết trong vụ án này. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được Tòa án giải quyết tại vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí theo quy định chung.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị T đối với anh Nguyễn Văn B.

- Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

- Giao con chung là Nguyễn Hoàng C - sinh ngày 07/10/2012 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung là Nguyễn Hoàng D - sinh ngày 26/11/2014 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và đều có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

**2.** Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001590 ngày 22/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Chị Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí.

**3.** Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị T, anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã K, huyện S, tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Nhung**